Ngày soạn: 12/12/2021 Tiết 15

Ngày giảng:

**ÔN TẬP HỌC KÌ I**

**I. MỤC TIÊUPPTCD623**

***1. Về kiến thứcPPTCD623***

- Củng cố các khái niệm về hình học trực quan, nhận biết các hình đặc biệt.

- Phát triển năng lực vận dụng kiến thức và kĩ năng đã học vào làm các dạng bài tập tương ứng ứng dụng trong thực tiễn.

***2. Về năng lực***

- Năng lực chung:

+ Năng lực tự chủ và tự học: đọc SGK, khai thác vốn kiến thức đã có từ thực tiễn và đã học ở lớp.

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm, chia sẻ thông tin, tiến hành thực hiện cắt, lắp ghép hình học.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết các vấn đề liên quan đến thực tiễn.

- Năng lực chuyên biệt:

+ Thông qua các bài tập gắn liền với thực tiễn phát triển năng lực “nhận thức Khoa học tự nhiên”.

+ Học sinh phát triển năng lực vận dụng kiến thức kĩ năng.

***3. Về phẩm chất***

- Giúp đỡ, chia sẻ với bạn bè khi hợp tác thảo luận nhóm, khi thực hành cắt, ghép hình.

- Có trách nhiệm, trung thực: mô tả đúng tiến trình, nêu rõ tự thực hiện hay ai giúp đỡ đối với hoạt động thực hành cắt ghép.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Thiết bị, đồ dùng dạy học: Thước kẻ, phiếu bài tập, bút dạ, giấy, kéo, que diêm, máy tính, tivi,...

- Học liệu: SGK, SBT, SGV, bài tập phát triển năng lực, …

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**1. Ổn định lớp**

**2. Kiểm tra bài cũ**

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1: Mở đầu**

**a) Mục tiêuPPTCD623**

- Giúp HS nhắc, nhớ lại, hệ thống, củng cố các khái niệm, công thức cần nhớ trong chương trình.

- Hình thành, rèn luyện, phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ toán học.

**b) Nội dung**

- Nhắc lại:

+ Khái niệm: tam giác đều, hình vuông, lục giác đều, hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.

+ Công thức tính diện tích, chu vi các hình trong thực tiễn.

**c) Sản phẩm**:Các khái niệm, công thức (phiếu học tập, báo cáo nhóm).

**d) Tổ chức thực hiện**

- GV kiểm tra HS dưới hình thức vấn đáp nhanh (có thể cho HS ghi lại nếu cần thiết), bằng một số câu hỏi.

**Câu 1: Trình bày các đặc điểm nhận biết của hình vuông?**

|  |  |
| --- | --- |
| Hình vuông  có:* đỉnh , , , .
* cạnh bằng nhau: , , , .
* góc bằng nhau và bằng góc vuông.
* đường chéo bằng nhau .
 |  |

**Câu 2: Trình bày các đặc điểm nhận biết của tam giác đều?**

|  |  |
| --- | --- |
| Tam giác đều  có:-  đỉnh , , .-  cạnh bằng nhau: .-  góc , ,  bằng nhau. |  |

**Câu 3: Trình bày các đặc điểm nhận biết của lục giác đều?**

|  |  |
| --- | --- |
| Lục giác đều  có:-  đỉnh , , , , . .-  cạnh bằng nhau: .-  góc đỉnh , , , , ,  bằng nhau.-  đường chéo chính: , , . |  |

**Câu 4: Trình bày các đặc điểm nhận biết của hình chữ nhật?**

|  |  |
| --- | --- |
| Hình chữ nhật  có:-  đỉnh , , , .-  cặp cạnh đối diện song song và bằng nhau: , .-  góc ở các đỉnh , , ,  đều là các góc vuông.-  đường chéo bằng nhau: . |  |

**Câu 5: Trình bày các đặc điểm nhận biết của hình thoi?**

|  |  |
| --- | --- |
| Hình thoi  có:-  đỉnh , , , .-  cạnh bằng nhau: .-  cặp cạnh đối diện song song:  song song với ,  song song với .-  đường chéo  và  vuông góc với nhau. |  |

**Câu 6: Trình bày các đặc điểm nhận biết của hình bình hành?**

|  |  |
| --- | --- |
| Hình bình hành  có:-  đỉnh , , , .-  cạnh đối diện  và ,  và  song song và bằng nhau.-  góc ở các đỉnh và ,  và bằng nhau. |  |

**Câu 7: Trình bày các đặc điểm nhận biết của hình thang cân?**

|  |  |
| --- | --- |
| Hình thang  có:-  cạnh đáy  và  song song với nhau-  cạnh bên bằng nhau: .- đường chéo bằng nhau: .-  góc kề cạnh đáy  bằng nhau.-  góc kề cạnh đáy  bằng nhau. |  |

**Câu 8: Hãy viết công thức tính chu vi** **, diện tích**  **(nếu có)** **của:**

1. **Hình chữ nhật (cạnh** **,** 

|  |  |
| --- | --- |
| * Chu vi hình chữ nhật:

*P=(a+b).* * Diện tích hình chữ nhật:

 |  |

1. **Hình vuông (cạnh )**

|  |  |
| --- | --- |
| * Chu vi hình vuông:

* Diện tích hình vuông:

 |  |

1. **Hình tam giác. (cạnh** **,** **,**  **chiều cao** 

|  |  |
| --- | --- |
| * Chu vi tam giác:

* Diện tích tam giác:

 |  |

1. **Hình thang. (cạnh bên** ***,*** ***,* cạnh đáy** **,**  **chiều cao** 

|  |  |
| --- | --- |
| * Chu vi hình thang là:

* Diện tích hình thang:

 |  |

1. **Hình bình hành (cạnh** **, chiều cao tương ứng** 

|  |  |
| --- | --- |
| * Diện tích hình bình hành:

 |  |
|  |  |

1. **Hình thoi. (2 đường chéo** **,** 

|  |  |
| --- | --- |
| * Diện tích hình thoi là:

 |  |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**Hoạt động 3.1: Dạng 1: Nhận biết, phân biệt các hình phẳng.**

***a) MỤC TIÊU:PPTCD623***

- Vận dụng linh hoạt các nội dung lý thuyết (các khái niệm, đặc điểm) vào làm các bài tập.

- Phát triển kĩ năng quan sát, phát hiện vấn đề (nhận ra các đặc điểm riêng, cơ bản của mỗi loại hình phẳng).

***b) Nội dung:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài 1:** Cho biết hình bên có bao nhiêu hình thang cân, hình vuông? |  |

**Bài 2:** Cho biết hình bên có bao nhiêu tam giác đều? Bao nhiêu hình bình hành?

 

**Bài 3:** Cho biết hình bên có bao nhiêu hình thoi? Bao nhiêu hình chữ nhật?

 

**Bài 4:** Cho biết hình bên có bao nhiêu lục giác đều? Bao nhiêu tam giác đều?

 

**Bài 5:** Em hãy vẽ các hình sau đây:

1. Tam giác đều có cạnhcm.
2. Hình vuông có cạnh 3 cm.
3. Hình chữ nhật có chiều dài 6 cm, chiều rộng 4 cm.
4. Hình bình hành có 2 cạnh liên tiếp là: 5cm, 7cm; chiều cao 4cm.

***c) Sản phẩm:*** Đáp án, phần trình bày báo cáo của các nhóm.

***d) Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ 1****-** GV chia lớp thành 4 nhóm (tương ứng với 4 tổ), phân công nhiệm vụ, phát dụng cụ: (bảng, phiếu bài tập, bút dạ, phấn). Sau mỗi câu hỏi GV công bố kết quả, ghi thành tích của từng nhóm vào bảng đối chiếu. Kết thúc nhiệm vụ, nhóm nào có nhiều đáp án đúng nhất sẽ giành chiến thắng.**-** Yêu cầu HS đọc đề, thảo luận, ghi nhanh kết quả vào bảng, phiếu bài tập của nhóm. Khi có hiệu lệnh hết giờ, thảo luận kết thúc, đại diện giơ bảng kết quả.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ 1**- HS chuẩn bị dụng cụ, phân công nhiệm vụ (nhóm trưởng, thư kí).- HS đọc kĩ đề, thảo luận (dựa vào khái niệm, đặc điểm của các hình tam giác đều, hình vuông, hình chữ nhật, hình bình hành, hình thoi, hình lục giác đều), thống nhất và ghi nhanh kết quả.- Bài 1: 4 hình thang cân, 2 hình vuông.- Bài 2: 2 tam giác đều, 2 hình bình hành.- Bài 3: 1 hình thoi, 9 hình chữ nhật.- Bài 4: 2 lục giác đều, 6 tam giác đều.**Bước 3: Báo cáo thảo luận**- 4 nhóm giơ bảng kết quả, đối chiếu so sánh.- HS hoàn thiện nhanh vào vở.**Bước 4: Kết luận, nhận định**- GV công bố kết quả, giải thích cụ thể thêm (nếu các nhóm chưa hoàn thiện). | Đề bài, bài giải**Bài 1:** Cho biết hình bên có bao nhiêu hình thang cân, hình vuông? GiảiHình trên có 4 hình thang cân, 2 hình vuông**Bài 2:** Cho biết hình bên có bao nhiêu tam giác đều? Bao nhiêu hình bình hành? GiảiHình trên có 2 tam giác đều, 2 hình bình hành**Bài 3:** Cho biết hình bên có bao nhiêu hình thoi? Bao nhiêu hình chữ nhật? GiảiHình trên có 1 hình thoi, 9 hình chữ nhật**Bài 4:** Cho biết hình bên có bao nhiêu lục giác đều? Bao nhiêu tam giác đều? GiảiHình trên có 2 lục giác đều, 6 tam giác đều. |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ 2:*** HS đọc kĩ đề bài, vẽ hình vào vở.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ 2:*** HS đọc đề, làm bài vào vở.
* GV gọi 6 HS lên bảng vẽ (*tương ứng với 6 phần, GV có thể quy ước số đo tương ứng trên bảng).*

**Bước 3: Báo cáo thảo luận*** 6 HS lên bảng thực hiện.
* HS khác làm bài vào vở.

**Bước 4: Kết luận, thẩm định.*** GV hoặc HS kiểm tra tính chính xác.
* GV chốt kiến thức, 1 số lưu ý cần thiết.
 | **Bài 5:** Em hãy vẽ các hình sau đây:1. Tam giác đều có cạnh 5 cm.

1. Hình vuông có cạnh 3 cm.

1. Hình chữ nhật có chiều dài 6 cm, chiều rộng 4 cm.
2. Hình bình hành có 2 cạnh liên tiếp là: 5cm, 7cm; chiều cao 4cm.
 |

**Hoạt động 3.2: Dạng 2: Giải quyết các vấn đề, bài toán thực tiễn (tính S, P).**

**a) Mục tiêuPPTCD623**

- HS rèn luyện kĩ năng vẽ hình.

- Phát triển kĩ năng tư duy sáng tạo.

- Vận dụng sáng tạo các công thức tính chu vi, diện tích các hình vào bài tập thực tế.

**b) Nội dung:**

**Bài 1:** Một thửa ruộng hình chữ nhật có chu vi . Nếu giảm chiều dài  và giảm chiều rộng  thì thửa ruộng đó trở thành hình vuông. Tính diện tích thửa ruộng.

**Bài 2:**  Có hai khu đất: một khu hình vuông, một khu hình chữ nhật. Chiều rộng khu đất hình chữ nhật bằng cạnh khu đất hình vuông. Chu vi khu đất hình chữ nhật lớn hơn khu đất hình vuông là . Diện tích khu đất hình vuông kém diện tích khu đất hình chữ nhật là . Tính diện tích khu đất hình chữ nhật?

**Bài 3:** Chị Hoa mới mua một mảnh vườn hình dạng và kích thước như hình bên. Em hãy tính xem diện tích mảnh vườn mới mua của chị Hoa là bao nhiêu và chị Hoa phải dùng bao nhiêu mét chiều dài dây kẽm mới có thể rào hết được mảnh vườn đó?



**Bài 4:** Bác Lâm có một mảnh vườn hình vuông có độ dài cạnh là  mét. Bác làm một lối đi xung quanh vườn rộng  mét, phần đất còn lại dùng để trồng rau cải xanh.

1. Hỏi số tiền bác thu được là bao nhiêu sau mỗi khi thu hoạch. Biết trên mỗi mét vuông bác thu hoạch được rau và mỗi kg rau có giá  đồng.
2. Em hãy tính diện tích của lối đi xung quanh vườn.

**c) Sản phẩm:**

- Bài làm của HS trên bảng và vở.

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ 1****-** HS đọc kĩ đề bài, suy nghĩ và trình bày vào vở.**-** Tính hiệu, tổng (nửa chu vi) của chiều dài và chiều rộng.- Áp dụng công thức tính chiều dài, chiều rộng.- Tính diện tích hình chữ nhật.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ*** Hiệu chiều dài và chiều rộng:  (m).
* Tổng chiều dài và chiều rộng (nửa chu vi của thửa ruộng hình chữ nhật:

 (m).* Chiều dài của thửa ruộng hình chữ nhật:

(m).* Chiều rộng của thửa ruộng hình chữ nhật:

(m).* Diện tích của thửa ruộng hình chữ nhật:

 (m2).**Bước 3: Báo cáo thảo luận**- HS đọc đề, suy nghĩ và làm vào vở.- GV gọi HS lên bảng làm, chấm vở (kiểm tra xác suất 1 số bài) các HS còn lại.**Bước 4: Kết luận, nhận định**- GV gọi HS nhận xét, chốt đáp án, đưa ra nhận định. | **Bài 1:** Một thửa ruộng hình chữ nhật có chu vi . Nếu giảm chiều dài  và giảm chiều rộng  thì thửa ruộng đó trở thành hình vuông. Tính diện tích thửa ruộng.Giải.Số mét mà chiều dài hơn chiều rộng là: (m).Nửa chu vi của thửa ruộng hình chữ nhật là: (m).Chiều dài của thửa ruộng hình chữ nhật là:(m).Chiều rộng của thửa ruộng hình chữ nhật là: (m).Vậy diện tích của thửa ruộng hình chữ nhật là: (m2). |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ 2****-** HS đọc kĩ đề bài, suy nghĩ và trình bày vào vở.* Lập công thức tính chu vi, diện tích hcn, hình vuông (dựa vào mối quan hệ các cạnh).
* Dựa vào số liệu đề bài tìm ra số đo cạnh hcn và hình vuông.
* Lập công thức tính diện tích khu đất hcn.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ*** HS đọc đề, suy nghĩ và làm bài vào vở.
* Vẽ hình, tính độ dài cạnh phần gạch chéo (hiệu giữa chiều dài hình chữ nhật và cạnh hình vuông)**.**
* Tính chiều rộng hình chữ nhật hay cạnh hình vuông.
* Tính diện tích khu đất hình chữ nhật, hình vuông.

**Bước 3: Báo cáo thảo luận**- HS đọc đề, suy nghĩ và làm vào vở.- GV gọi HS lên bảng làm, chấm vở (kiểm tra xác suất 1 số bài) các HS còn lại.**Bước 4: Kết luận, nhận định**- GV gọi HS nhận xét, chốt đáp án, đưa ra nhận định. | **Bài 2:**  Có hai khu đất: một khu hình vuông, một khu hình chữ nhật. Chiều rộng khu đất hình chữ nhật bằng cạnh khu đất hình vuông. Chu vi khu đất hình chữ nhật lớn hơn khu đất hình vuông là . Diện tích khu đất hình vuông kém diện tích khu đất hình chữ nhật là . Tính diện tích khu đất hình chữ nhật?Giải.Cạnh của phần gạch chéo (không phải là chiều rộng của khu đất hình chữ nhật) là: (m).Chiều rộng của khu đất hình chữ nhật hay cạnh của khu đất hình vuông là:(m).Diện tích của khu đất hình vuông là: (m2).Diện tích của khu đất hình chữ nhật là: (m2). |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ*** HS đọc kĩ đề bài, suy nghĩ và trình bày vào vở.
* Chia mảnh vườn thành các hình chữ nhật khác nhau.
* Lập công thức tính diện tích, chu vi mảnh vườn (diện tích, chu vi của các hình chữ nhật nhỏ).

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ*** HS đọc kĩ đề bài, làm bài vào vở.
* Chia mảnh vườn thảnh 3 hcn nhỏ.
* S mảnh vườn là tổng diện tích 3 mảnh vườn nhỏ.
* Chiều dài dây kẽm chính là tổng chu vi 3 hình chữ nhật nhỏ.

**Bước 3: Báo cáo thảo luận**- HS đọc đề, suy nghĩ và làm vào vở.- GV gọi HS lên bảng làm, chấm vở (kiểm tra xác suất 1 số bài) các HS còn lại.**Bước 4: Kết luận, nhận định**- GV gọi HS nhận xét, chốt đáp án, đưa ra nhận định. | **Bài 3:** Chị Hoa mới mua một mảnh vườn hình dạng và kích thước như hình bên. Em hãy tính xem diện tích mảnh vườn mới mua của chị Hoa là bao nhiêu và chị Hoa phải dùng bao nhiêu mét chiều dài dây kẽm mới có thể rào hết được mảnh vườn đó? GiảiChia mảnh vườn nhà chị Hoa thành 3 hình chữ nhật: Ta có: Diện tích khu vườn:Chu vi mảnh vườn:   Vậy cần  mét dây kẽm để làm hàng rào. |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ*** HS đọc kĩ đề bài và làm bài vào vở.
* Lập công thức tính diện tích cả mảnh vườn.
* Lập công thức tính diện tích phần vườn trồng rau.
* Diện tích lối đi.
* Tính số lượng rau=>số tiền thu được.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ*** HS đọc kĩ đề, suy nghĩ, làm bài vào vở.
* Diện tích mảnh vườn

* Diện tích phần vườn trồng rau:
* Số tiền thu được:

362 . 2 . 20000* Diện tích lối đi:

**Bước 3: Báo cáo thảo luận**- HS đọc đề, suy nghĩ và làm vào vở.- GV gọi HS lên bảng làm, chấm vở (kiểm tra xác suất 1 số bài) các HS còn lại.**Bước 4: Kết luận, nhận định**- GV gọi HS nhận xét, chốt đáp án, đưa ra nhận định. | **Bài 4:** Bác Lâm có một mảnh vườn hình vuông có độ dài cạnh là 40 mét. Bác làm một lối đi xung quanh vườn rộng 2 mét, phần đất còn lại dùng để trồng rau cải xanh.1. Hỏi số tiền bác thu được là bao nhiêu sau mỗi khi thu hoạch. Biết trên mỗi mét vuông bác thu hoạch được 2 kg rau và mỗi kg rau có giá 20000 đồng.
2. Em hãy tính diện tích của lối đi xung quanh vườn.

Giải1. Diện tích cả mảnh vườn là:

Diện tích mảnh vườn trồng rau là:Số kg rau thu hoạch được là:Số tiền bác Lâm thu được là:(đồng)1. Diện tích phần lối đi là:

 |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêuPPTCD623**

- Củng cố các đơn vị kiến thức cơ bản.

- Giúp HS phát triển kĩ năng tư duy và vận dụng sáng tạo.

- Rèn luyện kĩ năng thực hành (thao tác vẽ, đo, cắt, ghép, …)

**b) Nội dung:**

**Bài 1:** Có 13 đoạn que gồm: 3 đoạn que, mỗi đoạn dài 1 cm, 3 đoạn que mỗi đoạn dài 2 cm, 6 đoạn que mỗi đoạn dài 4 cm, 1 đoạn que dài 5 cm. Hỏi phải bỏ đi một đoạn que nào để 12 đoạn que còn lại xếp mối thành hình vuông? Hãy nêu ra 1 cách xếp nối đó. Tính độ dài cạnh hình vuông mà em đã xếp nối được.

**c) Sản phẩm:**

- Sản phẩm cắt ghép, mô hình, bài làm của HS trên bảng.

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ*** HS đọc kĩ đề bài, thảo luận nhóm, trình bày bài vào vở.
* Lập công thức tính chu vi hình vuông, biện luận để thấy được que cần bỏ, từ đó suy ra độ dài cạnh hình vuông và cách xếp phù hợp.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ*** HS đọc kĩ đề bài, suy nghĩ cách làm.
* Chu vi hình vuông là số tự nhiên chia hết cho 4.
* Tổng độ dài các đoạn que là 38, thấy  dư , suy ra que cần bỏ có độ dài  cm.
* Độ dài cạnh hình vuông:

(cm)Ta có cách xếp sau:* Cạnh  gồm  đoạn cm và  đoạn thẳng dài cm.
* Cạnh 4 gồm  đoạn cm và 2 đoạn thẳng dàicm**.**

**Bước 3: Báo cáo thảo luận**- HS đọc đề, suy nghĩ và làm vào vở.- GV gọi HS lên bảng làm, chấm vở (kiểm tra xác suất 1 số bài) các HS còn lại.**Bước 4: Kết luận, nhận định**- GV gọi HS nhận xét, chốt đáp án, đưa ra nhận định. | **Bài 1:** Có 13 đoạn que gồm: 3 đoạn que, mỗi đoạn dài 1 cm, 3 đoạn que mỗi đoạn dài 2 cm, 6 đoạn que mỗi đoạn dài 4 cm, 1 đoạn que dài 5 cm. Hỏi phải bỏ đi một đoạn que nào để 12 đoạn que còn lại xếp mối thành hình vuông? Hãy nêu ra 1 cách xếp nối đó. Tính độ dài cạnh hình vuông mà em đã xếp nối được.GiảiSố đo cạnh hình vuông là số tự nhiênKhi đó chu vi của hình vuông (nếu xếp được) có số đo là số tự nhiên chia hết cho 4.Ta có: (cm)Thấy  dư Suy ra cạnh hình vuông là:(cm)Vậy que cần bỏ là đoạn que 2 cmCó thể xếp hình vuông bằng cách sau:* Cạnh  gồm  đoạn  cm và  đoạn thẳng dài cm .
* Cạnh 4 gồm  đoạn cm và 2 đoạn

 cm**.** |